TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày: 19-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Thanh**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Triệu Khánh Long**.
2. Ông **Nguyễn Quốc Vinh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Tâm**,Thư ký Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Kiều Mỹ** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 09 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS, ngày 04/10/2018 đối với bị cáo:

Đồng Văn Đ, sinh năm:1967; Tại D, E; Nơi cư trú: Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh E; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đồng Văn Đ1 (c) và bà Võ Thị T1 (s); có 05 anh, em lớn nhất 53 tuổi, nhỏ nhất 39 tuổi; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt).

Các *bị hại*:
1/ Trần T2, sinh năm 1966; Nơi cư trú tại: Khóm M, Phường B, thị xã D, tỉnh E.(có mặt)

2/ Thái S, sinh năm 1965; Nơi cư trú tại: Khóm O, Phường P, thị xã D, tỉnh E.(có mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**
1/. Lê Hoàng D, sinh năm 1972; (vắng mặt)
Nơi cư trú tại: Khóm C, Phường B, thị xã D, E.
2/. Trần Đực E, sinh năm 1968; (vắng mặt)
Nơi cư trú tại: Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh E.

Những người tham gia tố tụng khác:
Người làm chứng:
1/Trần Lai T3, sinh năm 1993; (vắng mặt)
Nơi cư trú tại: Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh E.
2/Lê Hoàng P, sinh năm 1993; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm C, Phường B, thị xã D, tỉnh E.

Người phiên dịch tiếng khmer: Ông Sơn Chốt, Cán bộ Đài truyền thanh thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 19/6/2011 Trần Lai T3 điều khiển xe mô tô biển số 83S2-8509 đến nhà Đồng Văn Đ cùng ngụ Khóm A, Phường B, thị xã D, tỉnh D rủ đi trộm, khi Đào đồng ý T3 chở Đ đến bến đò gần cây xăng Huệ Mi thuộc Khóm 7, Phường B, thị xã D. T3 điện thoại kêu Lê Hoàng P chạy ghe đến rước T3 và Đ vào chòi tôm của P, do trước đó Đào có uống rượu nên vào chòi nằm ngủ, còn T3 và P thì tổ chức nhậu. Lúc này,T hỏi P "Có đồ gì lấy bán không" P nói "Có muốn thì đi lấy" T3 liền kêu Đ thức dậy cùng đi trộm. Cả 03 người đến chòi của ông Trần T2 thấy có hộp giảm tốc, P cầm đèn pin rọi vào và đưa 02 cây chìa khóa số 17 kêu Đ và T vào tháo. Do Đ tháo không ra nên kêu P và T tháo còn Đ là người soi đèn; khi tháo xong cả bọn tiếp tục đến chòi giữ tôm của ông Thái S lấy thêm một hộp giảm tốc nữa và cùng khiêng về chòi của P cất giấu dưới giường. Sau đó, P dùng ghe chở Đ và T3 về lại bến đò để cả hai về nhà; đến sáng ngày 20/6/2011 T3 và Phúc chở 02 hộp giảm tốc đi bán bị phát hiện và bắt quả tang. Qua làm việc thì Trần Lai T3, Lê Hoàng P đã khai nhận cùng với Đồng Văn Đ đã trộm cắp tài sản nêu trên; Trần Lai T3 và Lê Hoàng P đã xét xử xong tại Bản án số 32/2012/HSST, ngày 12/6/2012 của Tòa án nhân dân thị xã D; riêng Đồng Văn Đbỏ trốn nên bị truy nã đến ngày 09/10/2017 thì ra đầu thú.

- Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) cái hộp giảm tốc hiệu Vykyno có dính 02 cái cạc đăng (01 bằng sắt, 01 bằng bố cao su); 01(một) hộp giảm tốc hiệu Disoco GT 10; 02 (hai) cây chìa khóa số 17 và 01 (một) chiếc xe mô tô biển số: 83S2-8509.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 82A/BB-HĐĐGBĐG, ngày 21/6/2011 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu) kết luận: Tổng giá trị còn lại của tài sản bị chiếm đoạt là: 2.570.000 đồng (Hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) (Bút lục 99, 100)

Với nội dung vụ việc như trên, tại Cáo trạng số 18/CT-VKS-VC ngày 10/9/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu để xét xử bị cáo: Đồng Văn Đào về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là BLHS 1999).

Tại phiên tòa, bị cáo Đồng Văn Đ đã khai nhận hành vi cùng với T3 và P lấy trộm 02 hộp giảm tốc đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng trong phần tranh luận đã viện dẫn khoản 1 Điều 138 BLHS1999 do bị cáo thực hiện hành vi lén lút, lấy 02 hộp giảm tốc của các bị hại có giá trị là: 2.570.000 đồng nhằm mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, nên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đồng Văn Đ về tội trộm cắp tài sản. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47 BLHS 1999 xử phạt bị cáo: Đồng Văn Đ từ 04 đến 06 tháng tù về trộm cắp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý xong tại Bản án số: 32/2012/HSST, ngày 12/6/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, nên không đặt ra xét lại.

Tại phiên tòa, bị cáo Đồng Văn Đ thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có tranh luận gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về giúp đỡ gia đình.

Tại phiên tòa, các bị hại Trần T2 và Thái S thống nhất với nội dung của quyết định truy tố, ý kiến của vị Kiểm sát viên và lời nhận tội của bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản của mình nên không có yêu cầu gì khác; Về trách nhiệm hình sự: yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Vĩnh Châu, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và 02 người làm chứng vắng mặt; Tuy nhiên, trong quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ và rõ ràng. Đồng thời, tại phiên tòa vị Kiểm sát viên, bị cáo, các bị hại cũng đề nghị xét xử vắng mặt những người nêu trên. Xét thấy, sự vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án; căn cứ vào Điều 292; 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người này theo quy định của pháp luật.

[2].Về nội dung:

Qúa trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa bị cáo Đồng Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu hồi vật chứng, sơ đồvà bản ảnh hiện trường, lời khai của các bị hại cũng như các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở kết luận vào đêm 19 rạng sáng ngày 20/6/2011 bị cáo cùng đồng bọn đã lợi dụng sự sơ hở của các bị hại trong việc quản lý tài sản, đã lén lút chiếm lấy 02 hộp giảm tốc giá trị còn lại tổng cộng là 2.570.000đồng. Nên bị cáo Đồng Văn Đ đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS1999.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì tham lam, lười biếng lao động nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người quản lý tài sản để thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội ở địa phương, tạo ra sự hoang mang, lo sợ làm cho nhân dân không an tâm lao động sản xuất. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian hợp lý để giáo dục bị cáo và làm gương cho người khác.

Xét vai trò của bị cáo trong vụ án không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng nên chỉ là đồng phạm giản đơn và cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội.

[3].Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào; Tài sản đã được trả lại cho các bị hại; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn nhưng đã ra đầu thú thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS1999. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 nên cần áp dụng Điều 47 BLHS1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý xong tại Bản án số: 32/2012/HSST, ngày 12/6/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, nên không đặt ra xét lại.

Tại phiên tòa xét thấy lời đề nghị của vị Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đồng Văn Đ phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 20; Điều 53 BLHS1999.

Xử phạt bị cáo Đồng Văn Đ: **04 (Bốn)** tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện hoặc bắt thi hành án.

Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Báo cho bị cáo, các bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng đối với những người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thanh

- VKND TST;
- VKSND TXVC;
- CQTHAHS CA TXVC;
- Chi cục THA TXVC;
- Sở TP TST;
- BC; BH; NLQ;
- Phòng KTNV&THA TAND TST;
- Lưu: Hs.